

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH GIA LAI

Bản án số: 20/2022/HS - PT

Ngày 25/4/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hà; Ông Đỗ Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Đỗ Thị Hoà - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2021/TLPT - HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2021/HS - ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Mộng Q, sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Làng Mơ Nù, xã Chư Á, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1964 và con bà Cao Thị X, sinh năm 1960; chồng Nguyễn Vinh Q1, sinh năm: 1980; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/11/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Mộng Q làm nghề kinh doanh mua, bán phế liệu tại làng Mơ Nù, xã Chư Á, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Từ ngày 07 đến ngày 26/9/2020, Q đã 03 lần mua tài sản do các đối tượng Lê Văn T1 (sinh năm 2000, trú tại Tổ 14, phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh Gia Lai) và Lê Văn P1 (sinh năm 1998, trú tại Tổ 14, phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh Gia Lai) trộm cắp được mang đến bán, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 07/9/2020, Lê Văn T1 và Lê Văn P1 đến công trình xây dựng do ông Phạm Ngọc H1 (sinh năm 1984, trú Tổ 2, phường Chi Lăng, TP.P, tỉnh Gia Lai) đang thi công ở Thôn 6, xã Trà Đa, TP.P trộm cắp 14 chân giàn giáo bằng sắt và 10 cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo. Sau khi trộm cắp được các tài sản trên, khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, T1 và P1 dùng xe mô tô lần lượt chở đến điểm thu mua phế liệu của Nguyễn Thị Mộng Q ở làng Mơ Nú, xã Chư Ắ, TP.P hỏi bán. Q hỏi T1 về nguồn gốc tài sản, thì T1 trả lời: *"Đây là tài sản của em lấy trên phố do chủ không trả tiền công nên em tự lấy đem bán để cần nợ"*. Mặc dù biết số tài sản trên không phải là của T1 và P1, có thể là do T1 và P1 phạm tội mà có, nhưng Q vẫn đồng ý mua với giá 700.000 đồng. Sau khi hành vi của T1 và P1 bị phát hiện, qua định giá xác định 14 (mười bốn) chân giàn giáo bằng sắt và 10 (mười) cây chéo bằng sắt để cố định chân giàn giáo mà Q mua nêu trên trị giá 2.498.800 đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 16/9/2020, Lê Văn T1 và Lê Văn P1 đến công trình xây dựng do ông Phạm Ngọc H1 (sinh năm 1984, trú Tổ 2, phường Chi Lăng, TP.P, tỉnh Gia Lai) đang thi công ở Thôn 6, xã Trà Đa, TP.P trộm cắp 16 chân giàn giáo bằng sắt và 03 cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo. Khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, T1 và P1 dùng xe mô tô lần lượt chở các tài sản trên đến bán cho Nguyễn Thị Mộng Q được 800.000 đồng. Sau khi hành vi của T1 và P1 bị phát hiện, qua định giá xác định 16 (mười sáu) chân giàn giáo bằng sắt và 03 (ba) cây chéo bằng sắt để cố định chân giàn giáo mà Q mua nêu trên trị giá 2.592.800 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 26/9/2020, Lê Văn T1 và Lê Văn P1 đến công trình xây dựng do ông Phạm Ngọc H1 (sinh năm 1984, trú Tổ 2, phường Chi Lăng, TP.P, tỉnh Gia Lai) đang thi công ở Thôn 6, xã Trà Đa, TP.P trộm cắp 34 chân giàn giáo, 05 cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo và 10 vỉ bằng sắt để đứng trên giàn giáo. Khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, T1 và P1 dùng xe mô tô lần lượt chở các tài sản trên đến bán cho Nguyễn Thị Mộng Q được 1.300.000 đồng. Sau khi hành vi của T1 và P1 bị phát hiện, qua định giá xác định 34 (ba mươi tư) chân giàn giáo bằng sắt, 05 (năm) cây chéo bằng sắt để cố định chân giàn giáo và 10 (mười) vỉ sắt dùng để đứng trên giàn giáo mà Q mua nêu trên trị giá 6.716.800 đồng (sáu triệu bảy trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng).

Khoảng 23 giờ ngày 29/9/2020, Lê Văn T1 và Lê Văn P1 tiếp tục đột nhập vào công trình xây dựng của ông Phạm Ngọc H1 ở Thôn 6, xã Trà Đa, TP.P để trộm cắp tài sản, thì bị Công an xã Trà Đa phát hiện. Ngay sau đó, T1 và P1 đã khai nhận toàn bộ các lần trộm cắp và bán tài sản trộm cắp cho Nguyễn Thị Mộng Q. Trên cơ sở lời khai của T1 và P1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P tiến hành làm việc với Q, thì Q thừa nhận đã mua 29 (hai mươi chín) chân giàn giáo, 15 (mười lăm) cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo và 10 (mười) vỉ bằng sắt để đứng trên giàn giáo do T1 và P1 chở đến bán, đồng thời Q giao nộp cho Cơ quan điều tra số tài sản trên. Sau khi

định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại các tài sản trên cho ông Phạm Ngọc H1.

Quá trình điều tra, Lê Văn T1 và Lê Văn P1 khai nhận toàn bộ số tài sản trộm cắp được tại công trình xây dựng ở Thôn 6, xã Trà Đa, TP.P đều được chở đến bán cho Nguyễn Thị Mộng Q, tổng cộng là 64 (sáu mươi bốn) chân giàn giáo, 18 (mười tám) cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo và 10 (mười) vỉ bằng sắt để đứng trên giàn giáo. Tuy nhiên, Q thừa nhận chỉ mua 29 (hai mươi chín) chân giàn giáo, 15 (mười lăm) cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo, 10 (mười) vỉ bằng sắt để đứng trên giàn giáo và đã giao nộp như trên. Đối với 35 (ba mươi lăm) chân giàn giáo và 03 (ba) cây chéo bằng sắt còn lại, khi kiểm tra thì tại nơi Q kinh doanh phế liệu thì không có các tài sản trên, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với Nguyễn Thị Mộng Q, qua điều tra xác định: Khoảng hơn 23 giờ ngày 07/9/2020, khi Lê Văn T1 và Lê Văn P1 lần lượt chở 14 chân giàn giáo bằng sắt và 10 cây chéo bằng sắt cố định giàn giáo đến hỏi bán, thì Q có hỏi T1 về nguồn gốc tài sản; T1 trả lời đây là tài sản do T1 lấy của chủ thầu xây dựng đem bán để trừ nợ. Các lần sau đó, khi T1 và P1 chở tài sản đến, thì Q đều đồng ý mua và không hỏi gì thêm. Căn cứ vào thời điểm diễn ra việc mua bán, số lần thực hiện việc mua bán, số lượng tài sản và giá tiền mua so với giá trị thực của tài sản, thì có cơ sở xác định Q nhận thức và biết nguồn gốc tài sản mà T1 và P1 mang đến bán là do phạm tội mà có, nhưng vì hám rẻ nên vẫn cố tình mua nhằm thu lợi. Ngoài ra, căn cứ vào lời khai của T1 và P1, căn cứ diễn biến vụ án thì có cơ sở để xác định Q đã mua toàn bộ số tài sản mà T1 và P1 trộm cắp của ông Phạm Ngọc H1, gồm: 64 (sáu mươi bốn) chân giàn giáo, 18 (mười tám) cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo và 10 (mười) vỉ bằng sắt để đứng trên giàn giáo, với tổng trị giá 11.808.400 đồng (mười một triệu tám trăm lẻ tám nghìn bốn trăm đồng). Việc Q chỉ thừa nhận mua 29 (hai mươi chín) chân giàn giáo, 15 (mười lăm) cây chéo bằng sắt để cố định giàn giáo, 10 (mười) vỉ bằng sắt để đứng trên giàn giáo là nhằm che giấu bất hành vi của bản thân.

Tại Bản cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 123/2021/HSST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q kháng cáo xin hưởng án treo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- *Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là tương xứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp chứng cứ là kết quả siêu âm thai tại Bệnh viện đại học y dược Hoàng Anh Gia Lai thể hiện bị cáo Q đang có thai 4 tháng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm cho bị cáo 2 tháng tù.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: Bị cáo phạm tội nhiều lần, và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với tội phạm, thì việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội là cần thiết, do đó, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q làm nghề mua bán phế liệu, vào các ngày ngày 07, 16 và 26/9/2020 Q đã 3 lần mua lại các tài sản do P1 và T1 trộm cắp gồm 64 chân giàn giáo, 18 cây chèo bằng sắt, 10 vĩ sắt có tổng giá trị là 11.808.400 đồng, bị cáo nhận thức được việc mua lại tài sản trộm cắp là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì háo lợi nên bị cáo vẫn thực hiện, khi thực hiện hành vi bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng:

Khi lượng hình Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, q khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52

của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đã xem xét về nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp chứng cứ thể hiện đang có thai 4 tháng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Ngay khi tội phạm bị phát hiện bị cáo đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra tài sản phạm pháp nên đã góp phần khắc phục, giảm bớt thiệt hại xảy ra; Tại phiên tòa bị cáo và chồng của bị cáo trình bày vợ chồng có hoàn cảnh kinh tế hết sức khó khăn, phải nuôi 2 con nhỏ, vợ chồng phải ở nhà thuê, đều làm nghề mua bán phế liệu. Xét thấy, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: Bị cáo phạm tội nhiều lần, căn cứ nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm thì việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, xử hình phạt tù có thời hạn là cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo; Không chấp nhận kháng xin hưởng án treo của bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm q, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng Q: 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

[2]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326-2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về Án phí, Lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS P ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Bình

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA HIÊN TÒA

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA